

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần: Kinh tế tài nguyên môi trường trong nông thôn (Rural resource and environmental economics)

- Mã số học phần: PD204

- Số tín chỉ học phần: 3 tín chỉ

- Số tiết học phần: 35 tiết lý thuyết, 20 tiết thực hành và 90 tiết tự học.

2. Đơn vị phụ trách học phần:

- Bộ môn: Kinh tế - xã hội và chính sách

- Viện: Viện NCPT ĐBSCL

3. Điều kiện:

- Điều kiện tiên quyết: KT101; KT102; KT105; PD001

- Điều kiện song hành:

4. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu	Nội dung mục tiêu	CDR CTĐT
4.1	Sinh viên hiểu được khái niệm và công cụ kinh tế trong quản lý, sử dụng tài nguyên môi trường bền vững	2.1.3a
4.2	Sinh viên có khả năng đánh giá khái quát thực trạng quản lý, sử dụng tài nguyên môi trường nông thôn	2.2.1a; 2.2.1f
4.3	Sinh viên có khả năng làm việc nhóm trong quá trình nghiên cứu phân tích và lượng giá một tài nguyên môi trường	2.2.2a
4.4	Sinh viên biết tận tụy với công việc, biết lắng nghe và có tư duy phân biện trong phân tích, lượng giá tài nguyên	2.3c

5. Chuẩn đầu ra của học phần:

CDR HP	Nội dung chuẩn đầu ra	Mục tiêu	CDR CTĐT
	Kiến thức		
CO1	Hiểu các khái niệm liên quan và phương pháp lượng giá tài nguyên môi trường nông thôn	4.1	2.1.3a
CO2	Hiểu các công cụ, biện pháp được sử dụng trong quản lý sử dụng tài nguyên môi trường nông thôn	4.1	2.1.3a
	Kỹ năng		
CO3	Sinh viên biết áp dụng phương pháp lượng giá và thực trạng quản lý sử dụng tài nguyên môi trường nông thôn	4.2	2.2.1a; 2.2.1f

CDR HP	Nội dung chuẩn đầu ra	Mục tiêu	CDR CTĐT
	Kiến thức		
CO4	Sinh viên biết làm việc nhóm, trao đổi, học hỏi kiến thức và thông tin trong phân tích thực trạng sử dụng tài nguyên nông thôn	4.3	2.2.2a
	Thái độ/Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
CO5	Sinh viên tôn trọng sự thật khách quan, tự tin đối với kết quả học tập và thực hành phân tích quản lý tài nguyên	4.4	2.3c

6. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này thuộc khối kiến thức chuyên ngành, bao gồm 7 chương. Các chương đầu giới thiệu các nội dung liên quan đến các loại tài nguyên quan trọng trong nông thôn như đất đai, nước, thủy sản, rừng, giải trí ngoài trời. Hai chương sau giới thiệu khái niệm cơ bản về quản lý môi trường và các công cụ kinh tế quản lý ô nhiễm.

7. Cấu trúc nội dung học phần:

7.1. Lý thuyết

	Nội dung	Số tiết	CDR HP
Chương 1.	Khái niệm kinh tế tài nguyên và môi trường	3	CO1; CO2; CO3; CO4; CO5
1.1.	Khái niệm kinh tế tài nguyên và môi trường	0.5	
1.2.	Tổng giá trị kinh tế và phương pháp lượng giá môi trường	1	
	Cách tiếp cận và các vấn đề trong sử dụng tài nguyên	1	
1.3.	Tóm lược	0.5	
Chương 2.	Kinh tế thủy sản	6	CO1; CO2; CO3; CO4; CO5
2.1.	Mô hình tăng trưởng sinh học	1	
2.2.	Mô hình khai thác bền vững	2	
2.3.	Khai thác ở dạng tài nguyên mở	1.5	
2.4.	Chính sách công trong khai thác thủy sản	1	
2.5.	Tóm lược	0.5	
Chương 3.	Kinh tế tài nguyên rừng	5	CO1; CO2; CO3; CO4; CO5
3.1.	Sử dụng rừng của thế giới, khu vực và Việt Nam	0.5	
3.2.	Đặc điểm sinh học của cây và rừng	0.5	
3.3.	Chu kỳ khai thác hiệu quả của doanh nghiệp	0.5	
3.4.	Khai thác hiệu quả khu rừng trưởng thành	0.5	
3.5.	Chu kỳ khai thác tối ưu xã hội: gỗ và sản phẩm ngoài gỗ	1	
3.6.	Xác định giá với nhiều loại rừng khác nhau	0.5	
3.7.	Quyền sở hữu và quản lý rừng	0.5	
3.8.	Chính sách quản lý rừng hiệu quả và bền vững	0.5	
3.9.	Tóm lược	0.5	
Chương 4	Kinh tế tài nguyên nông nghiệp	5	CO1; CO2;
4.1.	Tài nguyên sở hữu tư nhân và có thể tái sản	1	

	xuất: nông nghiệp		CO3; CO4; CO5
4.2.	Kinh tế độ phì đất đai	1	
4.3.	Kinh tế quản lý nước	1	
4.4.	Kinh tế bảo vệ thực vật	0.5	
4.5.	Kinh tế đa dạng sinh học	0.5	
4.6.	Kinh tế bảo tồn đất ngập nước	0.5	
4.7.	Tóm lược	0.5	
Chương 5	Kinh tế giải trí ngoài trời	5	CO1; CO2; CO3; CO4; CO5
5.1.	Nhu cầu giải trí	1	
5.2.	Các dạng giải trí ngoài trời	1	
5.3.	Tỉ lệ khai thác và quản lý hợp lý	1.5	
5.4.	Tác động của kinh tế giải trí đến cộng đồng	1	
5.5.	Tóm lược	0.5	
Chương 6	Kinh tế và quản lý môi trường	5	CO1; CO2; CO3; CO4; CO5
6.1.	Các dạng thất bại thị trường	1	
6.2.	Đánh giá lợi ích cho quyết định môi trường	1	
6.3.	Ước lượng chi phí cho các quyết định môi trường	1	
6.4.	Tiêu chí đánh giá môi trường	1.5	
6.5.	Tóm lược	0.5	
Chương 7	Kinh tế quản lý ô nhiễm	6	CO1; CO2; CO3; CO4; CO5
7.1.	Phân loại ô nhiễm	1	
7.2.	Phân bố chi phí quản lý ô nhiễm tối thiểu	2	
7.3.	Một số biện pháp quản lý ô nhiễm	1.5	
7.4.	Thuế và trợ cấp phát thải	1	
7.5.	Tóm lược	0.5	

7.2. Thực hành

	Nội dung	Số tiết	CDR HP
Bài 1.	Thực hành phân tích thực trạng quản lý sử dụng một tài nguyên trong nông thôn	10	CO1; CO2; CO3; CO4; CO5
1.1.	Xác định một tài nguyên để đánh giá thực trạng		
1.2.	Đánh giá thực trạng sử dụng tài nguyên		
1.3.	Các kiến nghị liên quan chính sách quản lý		
Bài 2.	Thực hành phân tích thực trạng quản lý môi trường nông thôn	10	CO1; CO2; CO3; CO4; CO5
2.1.	Xác định một tài nguyên để đánh giá thực trạng		
2.2.	Đánh giá thực trạng sử dụng tài nguyên		
2.3.	Các kiến nghị liên quan chính sách quản lý		

8. Phương pháp giảng dạy:

Học phân này được giảng lý thuyết, làm bài tập cá nhân tại lớp. Ngoài ra sinh viên được làm một bài tập nhóm có nội dung phân tích thực trạng quản lý sử dụng tài nguyên môi trường nông thôn.

9. Nhiệm vụ của sinh viên:

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành/thí nghiệm/thực tập và có báo cáo kết quả.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.

10. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

10.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	CDR HP
1	Điểm chuyên cần	Số tiết tham dự học/tổng số tiết	10%	CO1; CO2; CO3; CO4; CO5
2	Điểm bài tập	Số bài tập đã làm/số bài được giao	20%	CO2
3	Điểm bài tập thực hành nhóm	- Báo cáo/thuyết minh/... - Được nhóm xác nhận có tham gia	20%	CO1; CO2; CO3; CO4; CO5
4	Điểm thi kết thúc học phần	- Thi viết/trắc nghiệm. (90 phút) - Tham dự đủ 80% tiết lý thuyết và 100% giờ thực hành - Bất buộc dự thi	50%	CO1; CO2; CO3; CO4; CO5

10.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

11. Tài liệu học tập:

Thông tin về tài liệu	Số đăng ký cá biệt
Hoàng, Xuân Cơ, 2009. Giáo trình kinh tế môi trường. NXB Giáo dục.	333.7/ C460; MFN: 151071
Environmental resource economics.	330/ E56 MFN: 149593
Thomas, Janet M., 2007. Environmental economics and management : Theory, policy, and applications	333.7/ T458 MFN: 153314

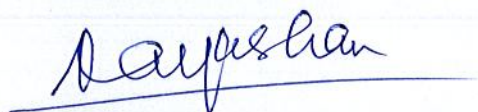
12. Hướng dẫn sinh viên tự học:

	Nội dung	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Nhiệm vụ của sinh viên
Chương 1	Khái niệm kinh tế tài nguyên và môi trường	3		+ Đọc các chương liên quan tài liệu [1], [2], [3] + Làm bài tập cuối chương
Chương 2	Kinh tế thủy sản	6		+ Đọc các chương liên quan tài liệu [1], [2], [3] + Làm bài tập cuối chương
Chương 3	Kinh tế tài nguyên rừng	5		+ Đọc các chương liên quan tài liệu [1], [2], [3] + Làm bài tập cuối chương
Chương 4	Kinh tế tài nguyên nông nghiệp	5		+ Đọc các chương liên quan tài liệu [1], [2], [3] + Làm bài tập cuối chương
Chương 5	Kinh tế giải trí ngoài trời	5		+ Đọc các chương liên quan tài liệu [1], [2], [3] + Làm bài tập cuối chương
Chương 6	Kinh tế và quản lý môi trường	5		+ Đọc các chương liên quan tài liệu [1], [2], [3] + Làm bài tập cuối chương
Chương 7	Kinh tế quản lý ô nhiễm	6		+ Đọc các chương liên quan tài liệu [1], [2], [3] + Làm bài tập cuối chương

Cần Thơ, ngày 13 tháng 5 năm 2021

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN



Đặng Kiều Nhân



Lê Cảnh Dũng